TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 719/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 11 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thụ lý số 485/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu:

1/ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1977

2/ Ông Nguyễn Tiến Hi, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Số B, đường số N, khu phố 2, phường TP, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Tiến Hi qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, Quyển số 0I đăng ký ngày 04/4/2001 tại Ủy ban nhân dân Phường 06, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

Vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay, bà H và ông Hi cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Hồng và ông Hưng cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Tiến Hi có 02 (Hai) con là Nguyễn Thùy YT (Nữ) sinh ngày 12/6/2001 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc YL (Nữ) sinh ngày 24/6/2003. Các đương sự thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Ngọc YL (Nữ) sinh ngày 24/6/2003 cho bà Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Tiến Hi không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà H và ông Hi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà H và ông Hi xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà H và ông Hi chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Tiến Hi thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 21, Quyển số 0I đăng ký ngày 04/4/2001 tại Ủy ban nhân dân Phường 06, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Tiến Hi có 02 (Hai) con là Nguyễn Thùy YT (Nữ) sinh ngày 12/6/2001 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc YL (Nữ) sinh ngày 24/6/2003.

Công nhận sự thỏa thuận: Giao trẻ Nguyễn Ngọc YL (Nữ) sinh ngày 24/6/2003 cho bà Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Tiến Hi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Tiến Hi có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Hi lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Bùi Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Hi.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Bà H và ông Hi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà H và ông Hi xác nhận không có.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Tiến Hi chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0031368 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Tiến Hi đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Đức).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy